

(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)
TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 273/QĐ-CTHADS

Bến Tre, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-TCTHADS ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre,

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. (theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự; Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ^{1th}

- Như Điều 3;
- TCTHADS (báo cáo);
- Trang thông tin điện tử (để đăng tải);
- Lưu: VT_(Ngọc).

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Nghiệp

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN TRỰC THUỘC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 273/QĐ-CTHADS ngày 31/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Tổng số phân bổ	Chi tiết từng đơn vị sử dụng									
		Cục THADS tỉnh	Chi cục THADS Thành phố	Chi cục THADS huyện Châu Thành	Chi cục THADS huyện Bình Đại	Chi cục THADS huyện Giồng Trôm	Chi cục THADS huyện Ba Tri	Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam	Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc	Chi cục THADS huyện Thạnh Phú	Chi cục THADS huyện Chợ Lách
Dự toán chi NSNN	21.843.902.000	4.917.955.000	2.319.528.000	2.019.282.000	2.020.822.000	2.004.100.000	1.895.757.000	1.705.813.000	1.593.949.000	1.782.779.000	1.583.917.000
I. Giáo dục, đào tạo, dạy nghề (loại 070-085)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II. Quản lý hành chính (Loại 340-341)	21.843.902.000	4.917.955.000	2.319.528.000	2.019.282.000	2.020.822.000	2.004.100.000	1.895.757.000	1.705.813.000	1.593.949.000	1.782.779.000	1.583.917.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	20.516.501.000	4.395.554.000	2.129.528.000	1.944.282.000	1.970.822.000	1.904.100.000	1.835.757.000	1.630.813.000	1.533.949.000	1.677.779.000	1.493.917.000
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.327.401.000	522.401.000	190.000.000	75.000.000	50.000.000	100.000.000	60.000.000	75.000.000	60.300.000	105.000.000	90.000.000
-Kinh phí may sắm trang phục	409.901.000	409.901.000									
-Kinh phí tinh giản biên chế	-										
- Kinh phí mua sắm tài sản theo Đề án	-										
-Kinh phí tạm ứng cưỡng chế THA	917.500.000	112.500.000	190.000.000	75.000.000	50.000.000	100.000.000	60.000.000	75.000.000	60.000.000	105.000.000	90.000.000
III. Phí Thi hành án											
-Số thu phí	6.318.000.000	373.960.000	609.512.000	640.769.000	946.045.000	853.316.000	912.704.000	618.889.000	490.735.000	475.106.000	396.964.000
-Số phí nộp NSNN	1.579.500.000	93.490.000	152.378.000	160.192.000	236.511.000	213.329.000	228.176.000	154.722.000	122.684.000	118.777.000	99.241.000
Địa điểm nơi đơn vị SDNS giao dịch		KBNN tỉnh	Phòng GD KBNN tỉnh	KBNN huyện Châu Thành	KBNN huyện Bình Đại	KBNN huyện Giồng Trôm	KBNN huyện Ba Tri	KBNN huyện Mô Cày Nam	KBNN huyện Mô Cày Bắc	KBNN huyện Thạnh Phú	KBNN huyện Chợ Lách

Handwritten signature